

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI**Kỳ thi:** Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B2)**Phòng thi:** B1.303**Môn thi:** Kỹ năng viết**Ca thi:** 10h00**Ngày thi:** 24/02/2022

TT	SBD	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA0195	NGUYỄN TRẦN HẢI	MINH	09/04/1998			
2	TA0196	NGUYỄN HẢI	NAM	09/04/1998			
3	TA0197	TRẦN VĂN	NHÂN	09/04/1998			
4	TA0198	BÙI THỊ	OANH	19/01/1998			
5	TA0199	TỔNG VĂN	PHÚC	13/03/1999			
6	TA0200	TRẦN HOÀNG	QUÂN	04/01/1999			
7	TA0201	TĂNG THỊ NHƯ	QUỲNH	20/09/1999			
8	TA0202	PHẠM TRƯỜNG	SINH	02/05/1999			
9	TA0203	NGUYỄN NHƯ	TÂM	06/10/1999			
10	TA0204	HOÀNG MINH	THẮNG	23/09/1997			
11	TA0205	VƯƠNG VĂN	THẮNG	25/10/1999			
12	TA0206	VŨ NGỌC	THẮNG	15/09/1998			
13	TA0207	NGUYỄN MINH	TIẾN	05/02/1999			
14	TA0208	HOÀNG THU	TRANG	10/05/1999			
15	TA0209	LÊ MINH	TRÍ	28/03/1998			
16	TA0210	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	11/01/1999			
17	TA0211	TRẦN VĂN	TRƯỜNG	03/08/1999			
18	TA0212	NGUYỄN CÔNG	TÚ	10/01/1998			
19	TA0213	NGUYỄN VĂN	TỰ	16/05/1999			
20	TA0214	NGUYỄN ANH	TUẤN	09/08/1998			
21	TA0215	LÊ ANH	TUẤN	06/02/1998			
22	TA0216	LÊ THANH	TÙNG	07/06/1999			
23	TA0217	NGUYỄN THỊ	THÚY	25/08/1998			
24	TA0218	PHẠM THANH	TÙNG	14/01/1997			

Tổng số thí sinh theo danh sách: Tổng số thí sinh có mặt:

Tổng số bài thi: Tổng số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)